

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/DS-ST  
Ngày 29-9-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Võ Văn Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST - DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

*Người làm chứng:* Ông Trần Đăng K; sinh năm: 1996; Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N trình bày:*

Vào ngày 15/3/2020 ông Trần Văn Đ có vay của bà Võ Thị Ánh N số tiền 180.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng. Hai bên có viết tay "Giấy vay tiền" và ký tên. Ông Đ hẹn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, trả tiền gốc mỗi quý 30.000.000

đồng. Nhưng sau khi vay tiền ông Đ không đóng tiền lãi và trả tiền gốc như đã thỏa thuận. Bà N nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền nhưng ông Đ không trả.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Ánh N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc ông Trần Văn Đ trả cho bà Võ Thị Ánh N số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi chỉ tính từ 16/3/2020 đến ngày 01/01/2023 với mức lãi suất 1,5%/tháng với số tiền là 90.540.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Như vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi ông Đ phải trả cho bà N là 270.540.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2023, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày: “ Ông có biết việc bà Võ Thị Ánh N khởi kiện ông. Ông xin trình bày vụ việc như sau: Vào tháng 10 của năm 2019, ông có hỏi mượn tiền của ông Nguyễn Anh K (cùng địa chỉ với bà N) với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hai bên không làm giấy tờ, lãi suất hai bên thỏa thuận 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thì mỗi ngày đóng lãi 10.000 đồng (mười ngàn đồng), theo đó thì ông trả lãi cho ông K là 1 ngày một triệu đồng đối với số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông đóng lãi cho ông K mỗi ngày, cứ 4 ngày thì đưa ông K số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), 6 ngày thì đưa 6 triệu đồng. Việc đóng lãi được ông thực hiện trong vòng hơn ba tháng (tháng 01/2020). Ông không có chứng cứ cho việc đã đóng lãi này, vì khi trả lãi không có làm biên nhận. Đến khoảng tết (tháng 02/2020), ông đi Sài Gòn. Nhưng thời điểm dịch ông không có việc làm, không còn khả năng trả lãi, nên ông có điện thoại cho K nói với K tiền lãi ông đóng đã nhiều hơn vốn, xin K bỏ khoản nợ này, thì K không nói gì, nhưng K có nhắn tin đe dọa ông. Sau đó, ông từ Sài Gòn về Rạch Giá kiếm việc làm. Thì phía bên K có cho bà Võ Thị Ánh N (mẹ K) qua công ty của ông, ông sợ ảnh hưởng đến việc làm ăn của công ty, nên có làm Giấy vay tiền ngày 15/3/2020 (ngày 15/3/2020 là ngày bà N qua), có nội dung: *“ Tôi Trần Văn Đ, sinh năm: 1987; CMND: 36594200 do CA Sóc Trăng cấp ngày 03/10/2018; Đc: L, L, Sóc Trăng. Có mượn của bà: Võ Thị Ánh N, số tiền là: 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), với lãi suất 5%/tháng. Tôi xin cam kết trả lãi đúng hạn vào ngày 15 hàng tháng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), còn lại số tiền gốc là trả theo qui. Mỗi qui tôi trả là 30.000.000 đồng (ba chục triệu đồng). Mọi cam kết tôi hoàn toàn tự nguyện với cô Võ Thị Ánh N và chịu trách nhiệm trước pháp luật không trả đúng hạn.”* Ông có ký và viết tên Trần Văn Đ sau Giấy vay tiền. Tại thời điểm viết giấy có ông Lương Đức T là người làm chứng. Ông T là người làm chung công ty. Kể từ khi viết giấy vay tiền ngày 15/3/2020, ông có trả cho bà N được hai lần, thông qua chuyển khoản, lần: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); lần: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Ông sẽ cung cấp các chứng từ thể hiện việc chuyển khoản số tiền này. Việc ông trả tiền này cho bà N là do phía bà N hăm dọa, nên ông mới trả tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ánh N, buộc ông trả số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2020 và lãi suất tính từ tháng 3/2020 đến tháng 01/2023, lãi suất 1,5% trên số tiền vốn gốc, tiền lãi là 59.400.000 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 239.400.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông trả gốc và lãi, thì

ông không đồng ý trả nữa. Do ông đã trả xong cho ông K tiền lãi hơn 100.000.000 đồng (ông trả lãi tháng 11,12/2019 và tháng 01/2020) bằng tiền mặt, số tiền lãi đã đóng này hơn tiền vốn gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) ông đã mượn của ông K. Việc bà N, ông K ép ông làm giấy vay tiền với số tiền gốc 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), ông xin trình bày rõ, bà N lấy số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gốc chưa trả của ông, cộng với tiền lãi tháng 02/2020 ông không đóng (khoảng 30.000.000 đồng), cộng vào thành vốn gốc 130.000.000 đồng, sau đó lại kê lãi trên 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), rồi tính ra con số 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), ép ông ký vào biên nhận. Việc tính lãi trên lãi của bà N ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông, nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Trần Đăng K trình bày: Ông là con của bà Võ Thị Ánh N. Còn ông Trần Văn Đ là bạn của ông. Ông Đ không có vay tiền của ông mà vay tiền của mẹ ông là bà N. Việc ông Đ vay tiền và làm Giấy biên nhận là sự thật, ông và bà N không có hăm dọa hay ép buộc ông Đ ký Giấy biên nhận. Ông Đ là người ký giấy biên nhận. Kể từ khi vay tiền đến nay thì ông Đ không có trả tiền gốc và lãi cho bà N. Ông cam đoan những gì đã trình bày là đúng sự thật và chịu trách nhiệm đối với những gì đã khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 180.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày lãi trên nợ gốc chưa trả kể từ ngày 16/3/2020 đến ngày 01/01/2023 với mức lãi suất là 1,5%/năm. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, những vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ hoàn trả số tiền vay gốc còn nợ là 180.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy: Để chứng minh cho việc bị đơn ông Trần Văn Đ có nợ thì nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “Giấy vay tiền lập ngày 15/3/2020” có chữ ký của Trần Văn Đ ở mục “Người vay”. Trong quá

trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Đ cũng thừa nhận có ký và viết tên Trần Văn Đ sau Giấy vay tiền. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên HĐXX khẳng định ông Trần Văn Đ có vay tiền của bà Võ Thị Ánh N.

[3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2023, ông Trần Văn Đ trình bày “Vào tháng 10 của năm 2019, tôi có hỏi mượn tiền của ông Nguyễn Anh K (cùng địa chỉ với bà N) với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hai bên không làm giấy tờ...”

“..... Kể từ khi viết giấy vay tiền ngày 15/3/2020, tôi có trả cho bà N được hai lần, thông qua chuyển khoản, lần: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); lần: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Tôi sẽ cung cấp các chứng từ thể hiện việc chuyển khoản số tiền này”

“...Tôi có ký và viết tên Trần Văn Đ sau Giấy vay tiền. Tại thời điểm viết giấy có ông Lương Đức Thọ là người làm chứng. Ông T là người làm chung công ty ...

.....Việc bà N, ông K ép tôi làm giấy vay tiền với số tiền gốc 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), tôi xin trình bày rõ, bà N lấy số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gốc chưa trả của tôi, cộng với tiền lãi tháng 02/2020 tôi không đóng (khoảng 30.000.000 đồng), cộng vào thành vốn gốc 130.000.000 đồng, sau đó lại kê lãi trên 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), rồi tính ra con số 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), ép tôi ký vào biên nhận...”

[4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc cung cấp chứng cứ số 170/2023/TB-TA ngày 03/7/2023 và Thông báo về việc cung cấp chứng cứ số 41/2023/TB-TA ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu ông Đ cung cấp các chứng cứ thể hiện việc ông mượn tiền của ông Nguyễn Anh K; Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và các chứng cứ chứng minh ông đã chuyển khoản trả tiền hai lần cho bà Võ Thị Ánh N; cung cấp địa chỉ hiện nay của ông Lương Đức T và các chứng cứ cho rằng phía bà Võ Thị Ánh N và ông K ép buộc ông ký biên nhận. Nhưng ông Đ vẫn không cung cấp được các chứng cứ trên. Do đó đối với lời trình bày của ông Đ không có cơ sở chấp nhận.

Do đó nguyên đơn khởi kiện ông Trần Văn Đ trả số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất 1,5%/tháng.

HĐXX nhận thấy: Trong Giấy vay tiền ngày 15/3/2020, có ghi nhận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Nguyên đơn cho rằng khi cho vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Kể từ khi vay, phía bị đơn chưa đóng lãi. Bị đơn không đồng ý trả lãi vì cho rằng đã đóng lãi nhiều lần cho phía nguyên đơn, nhưng bị đơn không có cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/ tháng. Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi: (tính từ ngày vay 16/3/2020 đến ngày 01/01/2023 là 02 năm 09 tháng 16 ngày x 180.000.000 đồng x 1,5%/ tháng = 90.540.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc: 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày 01/01/2023 là 90.540.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn) đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 270.540.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng)

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.527.000 (Mười ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N: Buộc ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền vốn gốc 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày 01/01/2023 với số tiền 90.540.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn) đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 270.540.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Đ phải chịu 13.527.000 (Mười ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Ánh N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị Ánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.985.000 (Năm triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006987 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Triều Vũ Hà**